

# Những khó khăn và giải pháp đổi mới trong công tác QUẢN LÝ, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

**VÕ THỊ PHƯƠNG OANH - CH14Q**  
**TS. NGUYỄN ĐĂNG TÍNH**  
*Trường Đại học Thủy lợi*

**Tóm tắt:** Công trình thủy lợi (CTTL) đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội ở Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL). Hệ thống CTTL ở khu vực mang tính đặc thù riêng với kênh rạch chằng chịt, đa số là kênh chìm bằng đất, có liên quan đến nhiều tỉnh, huyện, ít có các công trình điều tiết trên kênh. Công trình lấy và tiêu thoát nước chủ yếu là tự chảy và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

Tuy nhiên, công tác quản lý khai thác (QLKT) CTTL ở đây vẫn còn nhiều bất cập và không thống nhất giữa các tỉnh trong vùng do nhiều nguyên nhân. Bài viết này nêu lên những nguyên nhân, những tồn tại trong công tác QLKT CTTL ở ĐBSCL.

## 1. Tổng quan về ĐBSCL

ĐBSCL có diện tích tự nhiên gần 39.844 km<sup>2</sup>. Sản xuất nông nghiệp là thế mạnh của vùng. Thủy lợi được xem là giải pháp hàng đầu trong nông nghiệp ở đây. ĐBSCL hiện có 4.430 km kênh trục, kênh cấp I; 105 trạm bơm; 7.000 km bờ bao và 1.500 công điều tiết nước các loại... Trong 10 năm trở lại đây (1996-2006), tốc độ xây dựng CTTL được đẩy nhanh với các chương trình trọng điểm như Đồng Tháp Mười (1985-1995), Tứ giác Long Xuyên (từ 1990), đê biển (2000), kiểm soát lũ (1996), Dự án phát triển thủy lợi ĐBSCL (1998), chương trình kiên cố hoá kênh mương (2000), Dự án Ba Lai (2002)...

Nhờ thủy lợi mà ĐBSCL đã khai hoang hơn 200.000 ha, mở rộng và thành lập mới 6 huyện, 20 xã và 5 thị trấn; diện tích tưới, tiêu tăng thêm hơn 50.000 ha, ngăn mặn 86.000 ha; cải tạo và nâng cấp gần 1.400 km đường giao thông nông thôn ... và dẫn đầu về sản lượng lương thực trong cả nước đạt 3,5 triệu tấn vào năm 2001 ...

Tuy nhiên, công tác thủy lợi ở ĐBSCL cũng còn nhiều hạn chế (công tác tổ chức, phân cấp QLKT CTTL...) nên làm giảm hiệu quả phục vụ của công trình.

## 2. Thực trạng về tổ chức QLKT CTTL ở ĐBSCL

Các hệ thống CTTL ở nước ta cũng như ở ĐBSCL hiện nay do hai cấp trực tiếp quản lý:

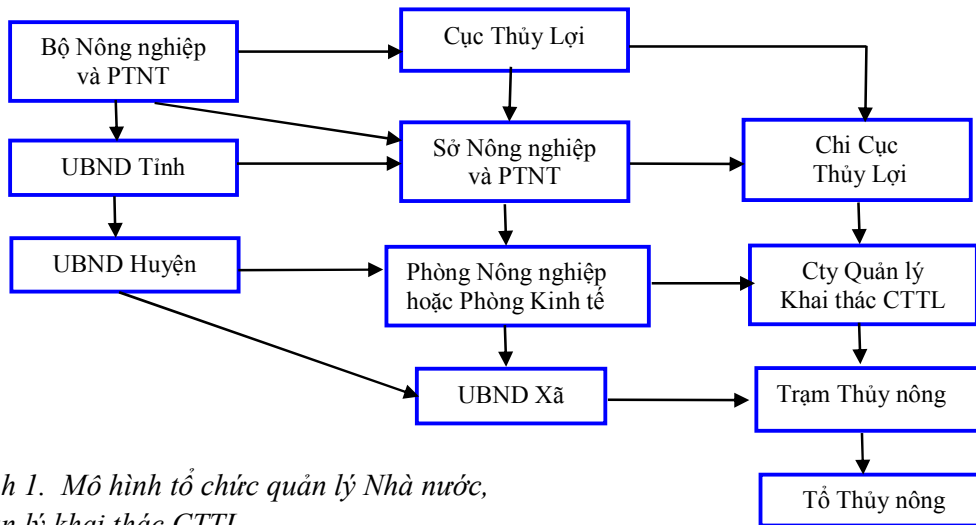
- Quản lý nhà nước, được giao cho các Chi cục Thủy Lợi;
- Quản lý khai thác, sản xuất được giao cho các Doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích quản lý từ đầu mối đến cống đầu kênh nội đồng và Tổ thủy nông cơ sở quản lý các công trình nội đồng.

### 2.1. Quản lý nhà nước

Cơ cấu bộ máy quản lý Nhà nước đối với công tác QLKT CTTL hiện nay được chia thành 4 cấp:

- Cấp Trung ương: Do Bộ Nông nghiệp & PTNT mà trực tiếp là Cục Thủy Lợi ;
- Cấp Tỉnh: Do Sở Nông nghiệp & PTNT giao cho các Chi cục Thủy lợi ;
- Cấp Huyện: Được giao Phòng Nông nghiệp & PTNT hoặc Phòng Kinh tế;
- Cấp Xã: Giao cho cán bộ phụ trách về giao thông-thủy lợi quản lý.

Mô hình quản lý nhà nước, QLKT CTTL tổng quát như ở hình 1.



Hình 1. Mô hình tổ chức quản lý Nhà nước, quản lý khai thác CTTL

Hiện nay việc thành lập cơ quan quản lý nhà nước về công tác QLKT CTTL cấp tỉnh ở ĐBSCL chưa theo đúng quy định trên và có đến 04 hình thức:

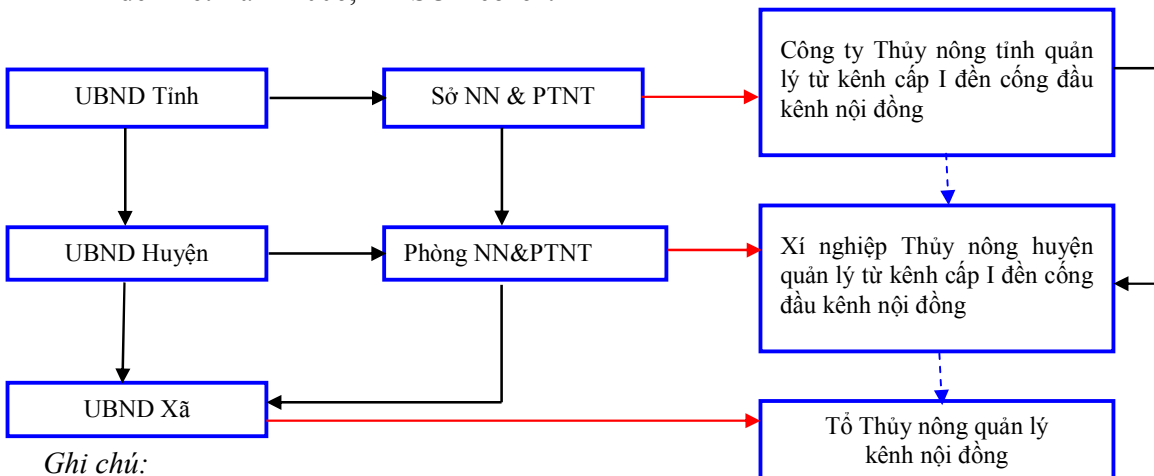
- Chi cục Quản lý nước và CTTL (Long An);
- Chi cục Quản lý nước và Phòng chống lụt bão (Kiên Giang);
- Chi cục Thủy lợi (Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau);
- Phòng Thủy lợi trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT (Bến Tre).

## 2.2. Tổ chức quản lý khai thác CTTL

Tính đến hết năm 2006, ĐBSCL có 6 tỉnh

thành lập Công ty khai thác CTTL (Cty Khai thác): là Sóc Trăng, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Bến Tre, Tiền Giang, Trà Vinh và 6 tỉnh chưa thành lập là Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Cà Mau. Riêng tỉnh An Giang thành lập Trung tâm QLKT CTTL trực thuộc Sở NN&PTNT, nhưng đến tháng 8/2008 Trung tâm xin chuyển đổi thành Công ty cổ phần dịch vụ thủy lợi An Giang. Các tỉnh không thành lập Công ty QLKT thì Chi cục Thủy lợi kiêm luôn chức năng QLKT.

Mô hình QLKT CTTL phổ biến ở ĐBSCL được mô tả như hình 2.



Ghi chú:

- Quản lý Nhà nước : —————>
- Quản lý Nhà nước và kỹ thuật: —————>
- Quan hệ sản xuất: - - - - ->

Hình 2. Mô hình tổ chức về QLKT CTTL

### 3. Hiện trạng về phân cấp QLKT CTTL ở ĐBSCL

Tính đến tháng 10/2008 toàn vùng có 10/13 tỉnh đã ra quyết định phân cấp QLKT CTTL, riêng ba tỉnh Cần Thơ, Hậu Giang và Vĩnh Long là chưa có quyết định. Khi ra quyết định phân cấp UBND các tỉnh đều phân cấp quản lý theo ranh giới hành chính và giao cho:

- Cty Khai thác và Chi cục Thủy Lợi quản lý các công trình đầu mối như kênh trục, kênh cấp I, cống điều tiết nước có khẩu độ  $B \geq 3,0m$ , đê sông, đê biển, kè sông, kè biển, trạm bơm;

- UBND các huyện, thị xã, phòng NN&PTNT và các Trạm Thủy nông quản lý hệ thống kênh cấp II nội huyện, kênh cấp III liên xã, cống ngầm có quy mô lớn hơn  $\varnothing 100$  và cống hở do nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ hoặc do nhân dân đóng góp;

- UBND xã, phường, thị trấn quản lý hệ thống kênh cấp III nội xã, kênh nội đồng, cống điều tiết nước có đường kính  $< \varnothing 100$ .

Việc phân cấp quản lý theo hệ thống trong vùng chỉ có Tiền Giang, An Giang thực hiện và một số HTTL có nguồn vốn đầu tư của trung ương, nước ngoài... cũng được Bộ NN&PTNT hay UBND tỉnh ra quyết định thành lập Trạm thủy nông của hệ thống khi đưa vào hoạt động như HTTL Bắc Vàm Nao, HTTL Bảo Định (Tiền Giang) có Xí nghiệp Bảo Định hay như Hội đồng quản lý HTTL Tứ giác Long Xuyên, Quán Lộ-Phụng Hiệp...

Ít địa phương phân cấp quản lý theo hệ thống (Điều 3-Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ CTTL) là do việc quản lý theo hệ thống khá thuận lợi nếu hệ thống đó nằm gọn trong một tỉnh. Tuy nhiên, nếu hệ thống nằm trên hai tỉnh hoặc nhiều tỉnh thì việc quản lý gặp khó khăn. Ví dụ: HTTL Rạch Chanh-Bắc Đông, nằm trên địa phận của hai tỉnh Tiền Giang và Long An, có nhu cầu nước khác nhau: Long An trồng lúa, mía trong khi Tiền Giang trồng khóm;

### 4. Những khó khăn trong công tác QLKT CTTL ở ĐBSCL

**4.1. Về phân cấp quản lý nhà nước:** Do có đến 04 hình thức khác nhau về quản lý nhà nước về tổ chức quản lý nhà nước ở cấp tỉnh, cho thấy:

- Mô hình quản lý còn phụ thuộc vào nhu

cầu, nhận thức của từng địa phương, chưa có cơ sở khoa học rõ ràng, hệ thống quản lý rườm rà, phức tạp và mang nặng tính bao cấp. Không có sự thống nhất chung về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, còn mang nặng tính chủ quan, chưa tuân theo khung thể chế quy định... từ đó làm cho Bộ NN&PTNT khó kiểm soát, chỉ đạo thống nhất về mặt tổ chức quản lý, chế độ chính sách, nhiều cấp trung gian hoạt động kém hiệu quả.

- Có sự lẫn lộn giữa chức năng quản lý nhà nước. Chi cục Thủy lợi vừa làm chức năng quản lý nhà nước vừa quản lý vận hành công trình, một số Chi cục còn thực hiện thêm các hoạt động dịch vụ tư vấn về khảo sát, thiết kế dẫn đến tình trạng “vừa đá bóng vừa thổi còi” ảnh hưởng đến hiệu lực quản lý nhà nước;

- Lực lượng cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về thủy lợi ở cấp huyện, thị xã còn thiếu chỉ có từ 1 ÷ 2 cán bộ và yếu về chuyên môn, trình độ chuyên môn không đều;

- Hình thức quản lý đa dạng, phức tạp và không đề cập đến các yếu tố khác nhau về điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, đặc điểm công trình, tập quán canh tác, nhu cầu sử dụng nước của cây trồng, vật nuôi ở từng vùng, miền.

**4.2. Về phân cấp QLKT CTTL:** Việc phân cấp QLKT CTTL ở ĐBSCL hiện nay chỉ là điều kiện cần chứ chưa đủ và còn nhiều bất cập như:

- Cơ chế phân cấp quản lý chưa rõ ràng. Việc quản lý hệ thống theo địa giới hành chính đã phá vỡ tính thống nhất liên hoàn của hệ thống công trình, làm cho tổ chức QLKT ở địa phương mất cân đối, chông chéo về chức năng nhiệm vụ;

- Quản lý hệ thống CTTL chưa tuân theo nguyên tắc quản lý hệ thống, không đồng bộ... làm cho việc quản lý, vận hành, khai thác giảm hiệu quả;

- Công tác duy tu, sửa chữa công trình chưa được quan tâm đúng mức. Kinh phí duy tu, sửa chữa phụ thuộc vào ngân sách nên hạn chế trong việc tu sửa, nạo vét, nâng cấp công trình;

**4.3. Chính sách QLKT tổng hợp còn cần bổ sung:**

- Các văn bản quy phạm pháp luật và việc triển khai thực hiện các quy định về quản lý

công trình còn nhiều bất cập nên hiệu quả của các chính sách ít có tác dụng. Ví dụ:

+ Điều 17 Pháp lệnh khai thác và bảo vệ CTTL quy định doanh nghiệp QLKT CTTL và tổ chức HTX dùng nước có nhiệm vụ: “*Tổ chức để nhân dân tham gia xây dựng kế hoạch khai thác và phương án bảo vệ công trình*”. Như vậy người dân chỉ được tham gia vào xây dựng kế hoạch hoạt động chứ chưa được tham gia vào việc triển khai thực hiện, giám sát các hoạt động của Cty Khai thác và HTX dùng nước.

+ Điều 18 Pháp lệnh này còn quy định doanh nghiệp QLKT CTTL và tổ chức hợp tác có quyền: “*Kiến nghị UBND địa phương nơi có CTTL thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn công trình trong trường hợp công trình bị xâm hại hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố*”. Trong khi đó, bộ máy quản lý các cấp chưa thành lập bộ phận thanh tra chuyên ngành nên việc giải quyết, xử phạt các hành vi xâm phạm CTTL gặp nhiều khó khăn.

#### **4.4. Về chế độ quản lý tài chính:**

- Chưa có quyền tự chủ về tài chính: Đầu vào là các khoản chi phí sản xuất theo cơ chế thị trường, theo giá cả thị trường và chi theo dự toán. Cuối năm duyệt chi theo báo cáo quyết toán;

- Chưa có quyền tự chủ về lao động, nhân lực, tiền lương: Việc tuyển dụng lao động, nâng lương, nâng bậc, sắp xếp và sử dụng lao động trong công ty phụ thuộc vào sự quyết định của cấp trên;

- Cơ chế giá dịch vụ cấp nước của doanh nghiệp không theo cơ chế giá mua bán sản phẩm, dịch vụ cho các hộ tiêu dùng mà là cơ chế thu theo chính sách do Nhà nước quy định, không thực sự căn cứ vào giá thành dịch vụ và chi phí sản xuất thực tế. Các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí sản xuất, định mức lao động ... chưa phù hợp từ đó không bảo đảm được cân đối thu chi;

- Cơ chế quản lý tài chính còn nhiều thủ tục, các Cty Khai thác không chủ động được nguồn vốn trong công tác quản lý và bị động trong điều hành công việc. Khi cần tu sửa công trình hoặc khắc phục sự cố do thiên tai gây ra thì phải qua nhiều cấp giải quyết nên không khắc phục

kịp thời sự cố xảy ra.

#### **4.5. Về quản lý sản xuất, khai thác CTTL:**

- Chưa có quyền tự chủ thực sự trong sản xuất: Hoạt động dịch vụ tưới tiêu vẫn bị chi phối và chịu áp lực mạnh mẽ của chính quyền. Công ty không có quyền từ chối phục vụ tưới tiêu khi hộ dùng nước không ký hợp đồng hoặc không nộp thủy lợi phí, điều này ảnh hưởng đến một phần doanh thu của doanh nghiệp và cũng là lý do tại sao các doanh nghiệp lại nợ tiền điện của nhà nước;

- Quy trình phân phối, điều tiết nước từ đầu mối đến mặt ruộng phải qua nhiều khâu trung gian nên rất dễ gây ra tranh chấp nhất là đối với các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng...;

- Công trình xây dựng không đồng bộ, thi công xong không bàn giao cho công ty QLKT bảo vệ ... nên công tác duy tu, sửa chữa gặp khó khăn và hiệu quả không cao;

- Thiếu cơ chế phân giao trách nhiệm và quyền hạn trong quản lý công trình. Nhà nước giao trách nhiệm quản lý công trình cho các doanh nghiệp QLKT CTTL, hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất và tài chính, trong đó có công tác duy tu sửa chữa công trình. Nhưng cuối năm không có cơ quan nào đánh giá quá trình thực hiện, tốt, xấu cũng không ai chịu trách nhiệm;

- Quy mô và cấp công trình chưa đáp ứng được với việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong sản xuất nông nghiệp và phục vụ đa mục tiêu theo nhu cầu phát triển của xã hội;

- Trình độ, năng lực QLKT công trình của lực lượng CB-CNV còn thiếu về kinh nghiệm, yếu về chuyên môn;

- Tình trạng lấn chiếm phạm vi an toàn CTTL diễn ra hầu hết ở các tỉnh trong khu vực làm bồi lắng, cạn kiệt lòng kênh; gây trở ngại cho giao thông thủy - bộ ở nội đồng, ô nhiễm môi trường, nguồn nước và gây mất ổn định công trình.

- Việc thực thi nghị định 140/2005/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ CTTL chưa được triển khai sâu rộng trong các ngành, các cấp và trong quần chúng nhân dân, vì thế hiệu lực thực thi và chấp hành pháp luật chưa tốt.



Hình 3. Cát nhà, trồng cây lán chiếm đê bao, neo đậu tàu thuyền lán chiếm phạm vi an toàn của CTTL ở An Giang, Vĩnh Long

### 5. NGUYÊN NHÂN NHỮNG KHÓ KHĂN, TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC QLKT CTTL Ở ĐBSCL

Qua các phân tích đã nêu, cho thấy nguyên nhân của các tồn tại bất cập trong công tác QLKT CTTL là do:

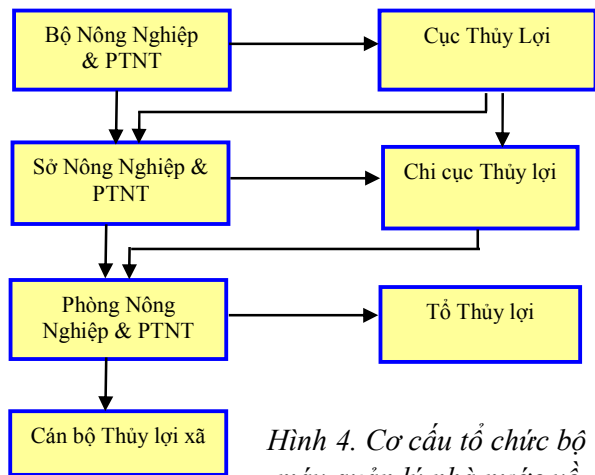
- Chưa có sự nhất quán, đồng bộ của bộ máy quản lý nhà nước về QLKT CTTL;
- Công tác quản lý khó khăn do hệ thống CTTL nằm rải rác ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa;
- Việc phát huy hiệu quả của công trình hạn chế do các yếu tố: khí hậu, thời tiết, lũ lụt, hạn hán, điều kiện kinh tế xã hội...
- Việc thực thi Luật, văn bản của Chính phủ về khai thác, bảo vệ CTTL và các chế độ chính sách quản lý chưa nghiêm túc; chưa thành lập được lực lượng thanh tra chuyên ngành;
- Công tác QH thủy lợi chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phục vụ đa mục tiêu;
- Kinh phí hàng năm dành cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa... còn hạn chế, mang tính chấp vá, chưa tuân thủ quy định quản lý chuyên ngành;
- Nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Năng lực, trình độ của đội ngũ CB quản lý và công nhân vận hành, khai thác còn nhiều hạn chế;
- Tổ chức QLKT CTTL ở cấp cơ sở chưa phù hợp với quy mô công trình được phân cấp quản lý, hoạt động mang tính hành chính, sự vụ kém hiệu quả. Tổ chức HTDN chưa phát huy được vai trò của người dân trong tham gia quản lý CTTL;
- Công tác tổ chức tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo vệ công trình chưa tốt.

### 6. KIẾN NGHỊ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI

Để đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác QLKT CTTL đi vào chiều sâu, khoa học và hiện đại, những đề xuất trong phạm vi bài viết này mang tính định hướng vừa là cơ sở đóng góp cho việc kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước theo Dự thảo 10, 16 Nghị định về tổ chức quản lý hệ thống CTTL của Cục Thủy lợi đề xuất năm 2008 đối với ĐBSCL cũng như trên cả nước. Một số giải pháp kiến nghị như sau:

#### 6.1- Giải pháp chung:

- Cần thống nhất mô hình tổ chức quản lý, phương thức quản lý và tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức QLKT các hệ thống CTTL từ quy mô từ lớn đến vừa và nhỏ. Kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý nhà nước, mở rộng nâng cao Tổ chức thủy nông cơ sở để đảm bảo công trình từ đầu mối đến nội đồng đều có người quản lý như mô hình ở hình 4;



Hình 4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về QLKT CTTL

- Thống nhất thành lập Công ty Khai thác CTTL ở các tỉnh, có chức năng QLKT. Các Chi cục Thủy lợi chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với công tác thủy lợi trên địa bàn;

- Củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức của các doanh nghiệp khai thác CTTL theo hướng tinh giản, gọn nhẹ và thực sự có hiệu quả;

- Bổ sung, điều chỉnh, ban hành các quy định, quy chuẩn về quản lý đầu tư, QLKT và bảo vệ CTTL, điều chỉnh phân cấp QLKT và bảo vệ công trình thống nhất từ Trung ương xuống địa phương;

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, trang bị thiết bị hiện đại vào vận hành, xây dựng, QLKT và kiểm soát chất lượng công trình để nâng cao hiệu quả sử dụng;

- Tăng cường biên chế cán bộ phụ trách thủy lợi cho các phòng NN&PTNT ở cấp huyện, thành lập lực lượng thanh tra chuyên ngành và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tăng cường công tác chuyển giao quản lý tưới cho các đơn vị dùng nước cấp cơ sở;

- Có chế độ đãi ngộ, đào tạo nâng cao năng lực của lực lượng cán bộ hiện đang làm công tác quản lý nhà nước để tránh tình trạng chảy máu chất xám ra khỏi ngành và khỏi địa phương;

### **6.2- Giải pháp về cơ chế, chính sách:**

- Có chế độ, chính sách thu hút cá nhân, tổ chức tự bỏ vốn, hiến đất và tài sản khác đầu tư XD công trình. Ưu tiên cho các cá nhân, tổ chức này QLKT công trình để thu lợi;

- Trên cơ sở về quản lý đầu tư xây dựng công trình của Trung ương và địa phương, điều chỉnh quy định theo hướng gắn trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, chất lượng, khai thác và bảo vệ công trình;

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, thể chế trong lĩnh vực QLKT, bảo vệ tài nguyên nước, chú trọng cơ chế chính sách về tài chính để đảm bảo nền tài chính vững mạnh của doanh nghiệp;

- Điều chỉnh các mức thu để tái đầu tư trong điều kiện miễn giảm TLP như hiện nay. Điều chỉnh, ban hành mức thu phí của các hoạt động

kinh doanh, dịch vụ... từ nguồn nước và trong phạm vi công trình để tăng nguồn duy tu sửa chữa cho công trình;

- Thay đổi chính sách thu thủy lợi phí bằng chính sách giá nước được xác định cụ thể và hợp lý đối với từng ngành, từng đối tượng sử dụng, và theo từng loại công trình;

### **6.3- Giải pháp kỹ thuật :**

- Tăng cường công tác điều tra cơ bản, bổ sung và xây dựng hoàn chỉnh quy hoạch phát triển thủy lợi, quy hoạch chi tiết chuyên ngành làm cơ sở cho việc lập kế hoạch đầu tư xây dựng công trình;

- Đầu tư công trình đồng bộ từ công trình đầu mối đến nội đồng;

- Tổ chức hội thảo, tập huấn nâng cao trình độ về pháp luật, kỹ thuật và kiến thức quản lý chuyên ngành cho đội ngũ CB và người dân tham gia quản lý công trình;

- Đổi mới trang thiết bị vận hành công trình đã lạc hậu, đầu tư trang bị các thiết bị hiện đại, áp dụng khoa học công nghệ và công tác QLKT;

- Xây dựng chế độ quản lý, quy trình vận hành khoa học và hiện đại tiên tiến. Đăng ký quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO;

- Phân cấp QLKT CTTL tại địa phương theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm;

## **7. KẾT LUẬN**

Do địa bàn rộng, mô hình QLKT CTTL không thống nhất, CTTL nằm rải rác ở vùng sâu, vùng xa khó quản lý, sự bất cập của hệ thống văn bản chưa được điều chỉnh kịp và trình độ quản lý của cán bộ cũng như nhận thức của người dân về công tác QLKT CTTL còn hạn chế ... thì những khó khăn trong QLKT là điều không thể tránh được. .

Những vấn đề nêu ra trong loạt bài này có cơ sở lý luận, thực tiễn, có giá trị tham khảo trong việc xây dựng, đổi mới mô hình QLKT CTTL ở ĐBSCL cũng như là cơ sở cho các nhà nghiên cứu, nhà quản lý và bạn bè đồng nghiệp quan tâm đến việc lựa chọn mô hình QLKT CTTL, xây dựng thể chế, đề xuất giải pháp phân cấp quản lý hệ thống CTTL hợp lý có thể áp dụng ở

ĐBSCL và cho cả nước trong tương lai ngày một hoàn thiện hơn:

- Thống nhất mô hình tổ chức quản lý, phương thức quản lý và tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức QLKT các hệ thống CTTL từ quy mô từ lớn đến vừa và nhỏ;
- Thống nhất thành lập Công ty Khai thác CTTL ở các tỉnh, có chức năng QLKT. ...

Đây là kết quả nghiên cứu từ thực tế của công tác QLKT CTTL ở ĐBSCL, là luận cứ khoa học có thể giúp các cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách phân cấp QLKT CTTL, chính sách

nhân lực, lao động tiền lương... phù hợp với sự phát triển của xã hội. Góp phần cho việc xây dựng, khắc phục và kiện toàn hơn về thống văn bản, thể chế, chính sách hiện hành về phân cấp quản lý phù hợp ngày càng tốt hơn. Sẽ thúc đẩy tiến trình đổi mới công tác quản lý đối với các Cty Khai thác, công tác chuyển giao quản lý tưới cho các TCDN và tăng cường sự hợp tác giữa Cty Khai thác và các TCDN, cũng như huy động được các nguồn lực trong nhân dân để cùng Nhà nước thực hiện công tác QLKT CTTL ngày càng tốt hơn.

#### **Tài liệu tham khảo**

- 1- Báo cáo tổng kết năm từ 2000 đến 2006 của Công ty khai thác CTTL Vĩnh Long, Trà Vinh, Bạc Liêu, Trung tâm Quản lý Khai thác CTTL An Giang.
- 2- Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, 2001.
- 3- Sở Nông nghiệp & PTNT An Giang, Đề án đổi mới nâng cao hiệu quả QLKT CTTL, năm 2008.
- 4- Sở Nông nghiệp & PTNT Bạc Liêu, Đề án phân cấp quản lý đầu tư và QLKT CTTL và thực hiện khung chiến lược phát triển PIM trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, năm 2005.

#### **Abstract**

#### **THE DIFFICULTIES OF MANAGEMENT, EXPLOITMENT HYDRAULIC WORKS OF MEKONG DELTA AND ALTERNATIVE SOLUTIONS**

*Hydraulic works play a very importance role in socioeconomic development of Mekong delta. Hydraulic work systems here have their own specificity: interlacing natural canals, spreading over provincial boundary, lack of control works available in the systems, and most Irrigation systems are affected by tidal.*

*However, the management and exploitation hydraulic works here are still inadequate and not united between provinces. This article shows the causes, difficulties of management and exploitation hydraulic works and proposes alternative solutions to approach sustainability in Mekong delta.*